

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Tâm
- Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 395/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 424/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 525/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phương Thúy H, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phương Thúy H trình bày: bà và ông Nguyễn Văn N quen biết, tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, vợ chồng có tổ chức lễ cưới từ năm 2011 và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 06/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian chung

sống được khoảng cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống với nhau khoảng tháng 01 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, nay bà H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: không có, không đề cập.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao, Giấy khai sinh con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của ngày 01/6/2023; giấy chứng nhận kết hôn số 62 (bản sao);

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên bà H, ông N xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với lý do ông N; ông N được triệu tập nhưng đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với bà H. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

Tại Biên bản xác minh do cán bộ Tòa án lập được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xác nhận thông tin ông N vẫn còn đăng ký cư trú tại ấp A, xã T và đại diện Ban ấp A cung cấp thông tin ông N đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà.

Tại phiên tòa, bà H có đơn xin vắng, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông N, nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung; ông N vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án: bà H và ông N quen biết, tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, vợ chồng có tổ chức lễ cưới từ năm 2011 và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 06/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ; vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cự cãi, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

Xét thấy, từ khi bà H gửi đơn khởi kiện, ông N không có ý kiến phản hồi, cũng như không tạo điều kiện hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không đến thăm nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ngày càng trầm trọng. Mặc khác, bà H xác định không còn tình cảm với ông N nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên việc bà H đăng ký ly hôn với ông N là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: không có; không đề cập.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phương Thúy H đối với ông Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông N, được xác định là tranh chấp “*Ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Bà H, ông N quen biết, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, không ai lừa dối hay ép buộc; có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 06/5/2011 tại Ủy ban nhân dân T, huyện C, tỉnh An Giang thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, ông N đi làm ăn xa; bà H yêu cầu ly hôn, ông N không có ý kiến phản hồi thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm; bà H xác định không còn tình cảm với ông N và kiên quyết xin được ly hôn;

Với những căn cứ trên, có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H, ông N phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* không có; Tòa án không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu, nên không đề cập;

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Ông N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phương Thúy H. Cho bà Phương Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 62, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang, cấp ngày 06 tháng 5 năm 2011 cho bà Phương Thúy H với ông Nguyễn Văn N, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: không đề cập.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phương Thúy H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013706 ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang; bà H đã nộp xong.

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phương Thúy H, ông Nguyễn Văn N, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã An Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong